

Bản án số: 933/2022/HC-PT

Ngày 30 tháng 11 năm 2022.

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Hồng.

*Các thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 473/2022/TLPT-HC ngày 10 tháng 8 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 23/2022/HC-ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2106/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Lê Thị X, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện GT, tỉnh Bến Tre (Theo Văn bản ủy quyền ngày 03/3/2021), có mặt.

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân huyện B, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Trần Văn L – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1942.

Địa chỉ: Ấp AĐL, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M:* Bà Hồ Thị T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 18/1, đường số 4, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Văn bản ủy quyền ngày 14/11/2022), có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị M:* Ông Nguyễn Minh K – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre, có mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Lê Thị X - Là người khởi kiện.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên tòa, người khởi kiện bà Lê Thị X có người đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Minh T trình bày:* Bà Nguyễn Thị M có thửa đất số 156, tờ bản đồ số 09 diện tích 2.552,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị M đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B (Viết tắt UBND huyện B) cấp ngày 23/3/2018. Nguồn gốc của thửa đất này là của ông Lê Quang H và bà Trần Thị K (cha mẹ của bà Lê Thị X đã chết) để lại cho bà Lê Thị X canh tác từ năm 1980. Đến năm 1982 thì có chủ trương đưa đất vào tập đoàn sản xuất, phần đất này sau đó được giao khoán cho gia đình bà Lê Thị X. Thời điểm này bà cũng đang quản lý sử dụng, có nhiều người ở địa phương đều biết và xác nhận cho bà. Do phần đất của gia đình bà Nguyễn Thị M kế bên đất của bà Lê Thị X nên khi đăng ký kê khai, đo đạc bà Nguyễn Thị M đã đăng ký kê khai bao trùm luôn phần diện tích 1.200m<sup>2</sup> thuộc thửa 156 của bà. Khi bà Lê Thị X phát hiện sự việc bà Nguyễn Thị M đăng ký kê khai và được cấp quyền sử dụng đất bao gồm luôn cả phần diện tích mà bà đang quản lý sử dụng thì bà có làm đơn khiếu nại gửi đến Ủy ban nhân dân xã nhờ hòa giải nhưng không thành và sau đó hồ sơ vụ việc gửi đến UBND huyện B để giải quyết. UBND huyện B ban hành Công văn số 909/UBND-NC ngày 31/3/2020 có nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà Lê Thị X và cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị M tại thửa đất 156, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.552,8m<sup>2</sup> nêu trên là đúng pháp luật. Nên bà Lê Thị X tiếp tục khiếu nại. Đến ngày 11/12/2020 UBND huyện B ban hành Quyết định số 3621/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị X với nội dung không công nhận khiếu nại của bà Lê Thị X và giữ nguyên Công văn số 909/UBND-NC ngày 31/3/2020.

Bà Lê Thị X cho rằng UBND huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại trên là hoàn toàn sai trái với sự thật khách quan đã diễn ra từ năm 1980 cho đến nay vì phần đất này bà Lê Thị X quản lý sử dụng như: trước cấy lúa, sau đào ao nuôi tôm, cá, làm đường dẫn nước, xung quanh trồng cỏ nuôi bò... UBND huyện B chỉ dựa trên trình bày của một bên mà kết luận là không đúng. UBND huyện B, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/3/2018 cho bà Nguyễn Thị M tại thửa 156, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.552,8m<sup>2</sup> là sai quy định. Công văn số 909/UBND-NC ngày 31/3/2020 và Quyết định số 3621/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện B ban hành là không đúng quy định

của pháp luật. Do đó, bà Lê Thị X khởi kiện đề nghị Tòa án hủy các quyết định hành chính nêu trên.

- Theo văn bản số 629/UBND-NC ngày 03/3/2021 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B trình bày: Trước đây ông Lê Quang X có khoảng 1,5ha đất, trong đó có khoảng 1,2ha đất trồng lúa và 0,3ha đất biên lá không trồng lúa được. Năm 1983 ông Lê Quang X đưa diện tích đất lúa vào tập đoàn sản xuất, riêng diện tích đất biên lá không có cải tạo đưa vào tập đoàn sản xuất và ông Lê Quang X vẫn quản lý sử dụng. Năm 1986, khi ông Lê Quang X chết, phần đất biên lá này giao cho con là ông Lê Quang X1 quản lý, sử dụng để có huê lợi thờ cúng ông bà.

Năm 1990, khi cấp đất bình quân nhân khẩu lần cuối, diện tích đất lúa có nguồn gốc của ông Lê Quang X được cấp cho 02 hộ gồm: Hộ bà Lê Thị X (cháu nội ông Lê Quang X) có năm nhân khẩu được cấp theo đo đạc hiện nay diện tích 5.786,4m<sup>2</sup>; hộ ông Hồ Văn T và bà Lê Kim Đ (con ông Lê Quang X) được nhận theo đo đạc hiện nay diện tích 5.608,1m<sup>2</sup>. Riêng diện tích đất biên, lá theo đo đạc thuộc thửa số 156, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.552,8m<sup>2</sup> do ông Lê Quang X1 quản lý, sử dụng đến năm 1990 ông Lê Quang X1 chết. Từ năm 1990 đến năm 1995 bà Nguyễn Thị M là vợ ông Lê Quang X1 quản lý sử dụng. Sau đó, Bà Nguyễn Thị M giao diện tích đất này cho em chồng là bà Lê Thị Kim Đính và ông Hồ Văn T quản lý, sử dụng đất do thửa đất 156 liền kề với đất bà Lê Kim Đ, ông Hồ Văn T. Mặc dù diện tích đất trên bà Nguyễn Thị M giao cho bà Lê Kim Đ, ông Hồ Văn T sử dụng. Nhưng khi những người dân xung quanh có nhu cầu sử dụng lá thì đến hỏi bà Nguyễn Thị M xin đốn lá mang về sử dụng.

Khi đo đạc theo dự án Vlap bà Nguyễn Thị M thực hiện kê khai đăng ký thửa 156, tờ bản đồ số 9, diện tích 5.522,8m<sup>2</sup> và gia đình bà Lê Kim Đ, ông Hồ Văn T cũng đồng ý việc kê khai đăng ký của bà Nguyễn Thị M. Ngày 01 tháng 11 năm 2017, Hội đồng xét cấp quyền sử dụng đất xã A họp xét hồ sơ của bà Nguyễn Thị M đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 23/3/2018 UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05577 cho bà Nguyễn Thị M. Năm 2019 bà Lê Thị X có đơn kiến nghị cho rằng trong thửa 156, tờ bản đồ số 9 bà Lê Thị X có một phần diện tích là 1.200m<sup>2</sup> đất và việc UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05577 cho bà Nguyễn Thị M là sai đối tượng.

Sau khi xem xét, nhận thấy thửa 156, tờ bản đồ số 9 diện tích 2.552,8m<sup>2</sup> đất không thuộc đối tượng điều chỉnh đưa vào tập đoàn sản xuất. Ông Lê Quang X1 và sau này bà Nguyễn Thị M quản lý sử dụng nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị M là phù hợp với quy định của pháp luật. Ngày 31/02/2020, UBND huyện B ban hành Công văn số 909/UBND-NC về việc trả lời đơn đề nghị của của bà Lê Thị X. Không đồng ý với việc trả lời đơn của UBND huyện B, bà Lê Thị X tiếp tục làm đơn khiếu nại.

Qua tiếp xúc với các bên và kết quả xác minh bà Lê Thị X không cung cấp được chứng cứ thể hiện việc ông Lê Quang X có cho bà Lê Thị X một phần (1.200m<sup>2</sup>) thửa đất trên. Bà Lê Thị X chỉ cung cấp một số giấy tờ xác nhận, nội dung có biết bà Lê Thị X có sử dụng một phần thửa đất này. Riêng bà Nguyễn Thị M cũng không cung cấp được giấy tờ chứng minh ông Lê Quang X có cho phần đất trên cho ông Lê Quang X1. Nhưng việc quản lý, sử dụng của ông Lê Quang X1, bà

Nguyễn Thị M được những người con của ông Lê Quang X thừa nhận và xác nhận.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 3621/QĐ-UBND về việc giải quyết không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà Lê Thị X; giữ nguyên Công văn số 909/UBND-NC ngày 31/3/2020 của UBND huyện B.

Nhận thấy thửa đất số 156, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại xã A, huyện B trước đây là đất biên, lá không đưa vào tập đoàn sản xuất. Ông Lê Quang X1 được ông Lê Quang X cho quản lý, sử dụng tạo huê lợi thờ cúng ông bà và sau đó để lại cho bà Nguyễn Thị M quản lý sử dụng là phù hợp. Vì vậy, UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 05577 ngày 23/3/2018 cho bà Nguyễn Thị M là đúng quy định. Việc bà Lê Thị X đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/3/2018 của UBND huyện B cấp cho bà Nguyễn Thị M; hủy Công văn số 909/UBND-NC ngày 31/3/2020 của UBND huyện B; hủy Quyết định số 3621/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện B là không có căn cứ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M có người đại diện theo ủy quyền là bà Hồ Thị T trình bày:* Thửa 156, tờ bản đồ số 9 tại xã A, huyện B có nguồn gốc của ông Lê Quang X cho ông Lê Quang X1 là chồng của Bà Nguyễn Thị M vào khoảng năm 1976 khoảng 3400m<sup>2</sup> (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2552,8m<sup>2</sup>). Phần đất này khi cho là đất lá, không có đưa vào tập đoàn sản xuất, có xác nhận của địa phương. Đến hiện nay thì đất vẫn tiếp tục trồng lá, cha của bà T1 là ông Hồ Văn T đốn lá và sử dụng đất này không có ai có ý kiến gì cho đến năm 2019 thì có tranh chấp. Bà Lê Thị X cho rằng trong diện tích 2552,8m<sup>2</sup> có 1200m<sup>2</sup> đất của bà Lê Thị X là không có căn cứ, bởi toàn bộ phần đất này là của bà Nguyễn Thị M. Đến năm 2020 bà Lê Thị X cho xe vào ủi đất làm hư hỏng hiện trạng đất, sự việc này có chính quyền địa phương xã A lập biên bản. Sau đó bà Lê Thị X còn cho người đến rào hàng rào trên phần đất mà bà Lê Thị X cho rằng là của bà Lê Thị X.

Bà Nguyễn Thị M thống nhất với các Quyết định của UBND huyện B và bà Nguyễn Thị M không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2022/HC-ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:*

Căn cứ Luật đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại ngày năm 2011; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UNTƯQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X về việc yêu cầu hủy:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 117571, số vào sổ cấp GCN: CH 05577 đối với thửa 156, tờ bản đồ số 9, diện tích 2552,8m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Nguyễn Thị M ngày 23/3/2018.

- Công văn số 909/UBND-NC ngày 31/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc trả lời đơn khiếu nại của công dân đối với bà Lê Thị X;

- Quyết định số 3621/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị X của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/5/2022 người khởi kiện bà Lê Thị X làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Ông Huỳnh Minh T đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị X có ý kiến: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của bà Lê Thị X sử dụng. Sau khi vô tập đoàn thì tập đoàn khoán lại cho gia đình bà Lê Thị X sử dụng tuy nhiên bà Nguyễn Thị M kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất bao trùm phần đất của bà Lê Thị X, bà Lê Thị X có khiếu nại nhưng UBND huyện B không chấp nhận là không phù hợp với quy định của pháp luật. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bà Nguyễn Thị M chưa được bà Lê Thị X ký tên giáp ranh. Do đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X.

- Người bị kiện UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M có bà Hồ Thị T đại diện không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị X.

- Ông Nguyễn Minh K – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị M có ý kiến: Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo, áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện hợp lệ, làm trong hạn luật định, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện: Kiểm sát viên đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của bà Lê Thị X, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị X làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính:

Bà Lê Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 117571, số vào sổ cấp GCN: CH 05577 đối với thửa 156, tờ bản đồ số 9, diện tích 2552,8m<sup>2</sup> do UBND huyện B cấp cho bà Nguyễn Thị M ngày 23/3/2018; Công văn số 909/UBND-NC ngày 31/3/2020 của UBND huyện B về việc trả lời

đơn khiếu nại của công dân đối với bà Lê Thị X; Quyết định số 3621/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị X.

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 và các Điều 30, 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khiếu kiện:

[3.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định:

- UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 117571, số vào sổ cấp GCN: CH 05577 đối với thửa 156, tờ bản đồ số 9, diện tích 2552,8m<sup>2</sup> cho bà Nguyễn Thị M ngày 23/3/2018 là đúng thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai năm 2013.

- Công văn số 909/UBND-NC ngày 31/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc trả lời đơn khiếu nại của công dân đối với bà Lê Thị X và Quyết định số 3621/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị X của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 75/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại.

[3.2] Xét căn cứ ban hành quyết định hành chính:

Bà Lê Thị X khai rằng thửa đất 156, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.552,8m<sup>2</sup> do bà Nguyễn Thị M đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có khoảng 1.200m<sup>2</sup> có nguồn gốc của ông Lê Quang H và bà Trần Thị K (cha mẹ của bà Lê Thị X) để lại cho bà canh tác từ năm 1980. Đến năm 1982, đất này bà đưa vào tập đoàn và nhận lại theo định suất bình quân nhân khẩu, gia đình bà quản lý sử dụng từ đó cho đến nay.

Tuy nhiên, theo báo cáo kết quả thẩm tra của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B ngày 19/3/2020 thể hiện: “Vào năm 1990 nhà nước giao khoán đất theo định suất bình quân nhân khẩu, thời điểm này hộ bà Lê Thị X chỉ có 5 nhân khẩu gồm bà Lê Thị X và 04 người con, mỗi nhân khẩu có 1.100m<sup>2</sup> đất tổng diện tích khoán 5.500m<sup>2</sup> tại hai thửa 138 và thửa 255 cùng tờ bản đồ 6, diện tích đo đạc theo bản đồ địa chính là 5.807,4m<sup>2</sup>, dư 307,4m<sup>2</sup> so với định suất khoán nếu cộng diện tích 1.200m<sup>2</sup> của bà Nguyễn Thị M. Do đó phần diện tích 1.200m<sup>2</sup> không nằm trong định suất khoán. Đồng thời, qua thẩm tra hiện trạng thực tế và xác minh một số hộ dân sử dụng đất liền kề cho thấy từ trước đến nay gia đình bà Lê Thị X không có quản lý sử dụng phần đất này cũng như không có mướn người cải tạo đất (Bút lục 139). Tại biên bản làm việc ngày 27/02/2020, ông Nguyễn Văn T công chức địa chính xã A cho rằng: Thửa 156, tờ bản đồ 9 không phải do tập đoàn cấp, đất này có nguồn gốc của ông Lê Quang X là đất lá để lại cho con là ông Lê Quang X1 sử dụng để đồn lá. Năm 2006, do tuyến đê Hàm Luông đi qua nước thủy triều không còn lên xuống nên lá bị chết hết, từ đó không ai quản lý sử dụng phần đất này. Từ trước đến nay gia đình bà Lê Thị X cũng không có sử dụng phần đất này.

Căn cứ bản đồ địa chính xã A, huyện B xác định lập thửa 156, tờ bản đồ số 9, xã A thuộc thửa 136, tờ bản đồ 6 do bà Nguyễn Thị M là người kê khai trong sổ

mục kê của xã A nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2014, đo đạc theo dự án Vlap bà Nguyễn Thị M thực hiện đăng ký kê khai, đăng ký thửa 136, tờ bản đồ số 6, được đo đạc thành thửa 156, tờ bản đồ 9, diện tích 2.552,8m<sup>2</sup>, trong đó có 1.200m<sup>2</sup> mà hiện nay bà Lê Thị X yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2017, bà Nguyễn Thị M lập thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bút lục 183). Ngày 01/11/2017 Hội đồng xét cấp quyền sử dụng đất xã A họp xét hồ sơ của bà Nguyễn Thị M đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do đó, ngày 23/3/2018 UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị M đối với thửa đất số 156, tờ bản đồ 9, diện tích 2.552,8m<sup>2</sup> là đúng theo quy định tại Điều 101, 105 của Luật đất đai năm 2013 và Điều 22, 37 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai.

Bà Lê Thị X khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị M, do đó UBND huyện B ban hành Công văn số 909/UBND-NC ngày 31/3/2020 của UBND huyện B về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Lê Thị X. Sau đó bà Lê Thị X tiếp tục khiếu nại nên Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 3621/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 về việc bác yêu cầu khiếu nại của bà Lê Thị X là có căn cứ.

Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện bà Lê Thị X yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Nguyễn Thị M ngày 23/3/2018; Công văn số 909/UBND-NC ngày 31/3/2020 của UBND huyện B và Quyết định số 3621/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện B là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Bà Lê Thị X kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do bà Lê Thị X là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị X.

Giữ nguyên bản án hành chính số 23/2022/HC-ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

2. Căn cứ Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại năm 2011; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X về việc yêu cầu hủy:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 117571, số vào sổ cấp GCN: CH 05577 đối với thửa 156, tờ bản đồ số 9, diện tích 2552,8m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Nguyễn Thị M ngày 23/3/2018; Công văn số 909/UBND-NC ngày 31/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc trả lời đơn khiếu nại của công dân đối với bà Lê Thị X; Quyết định số 3621/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị X.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Thị X được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, về chí phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**